

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/3/2024

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Phước Tường

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Quốc Hiên - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 650/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Chị Lưu Thị Hồng T1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh T.

(Anh T có mặt, chị T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh và chị Lưu Thị Hồng T1 tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do chị T1 không lo làm ăn mướn tiền bên ngoài nhiều lần không biết sử dụng vào việc gì và anh đã đứng ra trả nhiều lần, vợ chồng thường xuyên cãi nhau cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị T1 nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo Tiên sinh ngày 11/10/2011 và Nguyễn Thanh Toàn sinh ngày 10/7/2017 hiện đang sống với mẹ. Khi ly hôn

anh đồng ý 02 con cho chị T1 nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng/con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu giải Tòa giải quyết.

- *Bị đơn chị Lưu Thị Hồng T1 tại tờ tự khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì chỉ do chị vay mượn bên ngoài nên anh T nộp đơn xin ly hôn. Chị không đồng ý ly hôn mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo Tiên sinh ngày 11/10/2011 và Nguyễn Thanh Toàn sinh ngày 10/7/2017 hiện đang sống với chị. Trường hợp Tòa cho ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Lưu Thị Hồng T1 dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T và chị Lưu Thị Hồng T1 tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống anh T xác định vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị T1 không lo làm ăn mượn tiền bên ngoài nhiều lần không biết sử dụng vào việc gì, vợ chồng thường xuyên cãi nhau cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ khi nộp đơn kiện cho đến nay và không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Đối với chị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do mặc dù chị không đồng ý ly hôn nhưng chị không tham gia phiên Tòa để trình bày ý kiến và biện pháp cụ thể để vợ chồng có thể hàn gắn đoàn tụ chứng tỏ chị T1 không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không mong muốn đoàn tụ cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho anh T được ly hôn với chị T1 là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo Tiên sinh ngày 11/10/2011 và Nguyễn Thanh Toàn sinh ngày 10/7/2017 hiện đang sống với mẹ. Khi ly hôn anh T đồng ý giao 02 con cho chị T1 nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng/con. Xét thấy, con chung hiện đang được chị T1 nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xem xét giao con chung

cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng/con phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với chị Lưu Thị Hồng T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thảo Tiên sinh ngày 11/10/2011 và cháu Nguyễn Thanh Toàn sinh ngày 10/7/2017 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng/con. Thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thi hành việc cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013188 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên còn phải nộp tiếp 300.000đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với chị T1 thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tân